

# Quyết Định 62/2004/QĐ-TTg sau 5 năm thực hiện tại Quảng Bình - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

VĂN LẠC

## Những hiệu quả bước đầu

Vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMTNT) là vấn đề không những ở nước ta mà nhiều quốc gia trên thế giới đều quan tâm hàng đầu vì tính chất thiết yếu của nó đối với sự sống con người ở trên hành tinh. Trong mục tiêu xóa đói giảm nghèo của Việt Nam, mục tiêu NS&VSMTNT là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Tại Quyết định số 104/TTg, Chính phủ đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 dân cư nông thôn phải được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Quyết định 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện chiến lược Quốc gia về cấp NS&VSMTNT là một chủ trương lớn nhằm thực hiện mục tiêu đó. Sau 2 năm thí điểm thành công ở 10 tỉnh, Thủ Tướng Chính phủ đã cho phép triển khai mở rộng ở Quảng Bình và toàn quốc vào đầu năm 2006.

Quảng Bình là một tỉnh nằm trong vùng khí hậu khắc nghiệt của miền Trung; sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Nhiều vùng phong tục tập quán sinh hoạt còn lạc hậu, nhiều vùng dân còn thiếu nguồn nước sạch; vệ sinh môi trường vẫn còn ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng, mùa hè thường hạn hán liên miên gây thiếu nguồn nước sinh hoạt và sản xuất; mùa mưa thường chịu ảnh hưởng của các đợt áp thấp nhiệt đới gây mưa to, lụt lớn làm thiệt hại nặng nề tài sản và tính mạng. Theo đó làm ô nhiễm nguồn nước và môi trường gây nhiều dịch bệnh, ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ của nhân dân. Do vậy, khi QĐ 62/2004/QĐ-TTg triển khai ngay từ bước đầu đã được các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân nhất là nhân dân vùng nông thôn đón nhận một cách nồng nhiệt.

Sau khi có chủ trương đó, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh đã tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp truyền đạt, phổ biến và tổ chức thực hiện. Đặc biệt đã phối hợp chặt chẽ với Sở Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn hướng dẫn, cung cấp một số mẫu thiết kế và dự toán về các loại hình xây dựng công trình nước sạch, vệ sinh môi trường phù hợp với từng địa bàn sinh thái đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia để các hộ gia đình lựa chọn. Mặt khác đã tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo tại các điểm giao dịch, cùng các tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến xã củng cố các tổ tiết kiệm và vay vốn, mở nhiều đợt tập huấn để các tổ chức này có thể đảm nhận vai trò uỷ thác cho vay chương trình này.

Nhờ những cố gắng đó nên sau 5 năm thực hiện đến nay chương trình cho vay NS&VSMTNT đã cho gần 28 ngàn lượt hộ vay với tổng mức vốn đã giải ngân gần 119,200 tỷ đồng để xây dựng 34.572 công trình (gồm 19.198 công trình nước sạch và 15.374 công trình vệ sinh), bình quân 3,7 triệu đồng/một công trình. Hiện nay có 15.847 hộ còn dư nợ trên 96,142 tỷ đồng (trong đó thuộc khu vực người dân tộc thiểu số còn dư nợ 120 triệu, thuộc khu vực 135 còn dư nợ 15,500 tỷ đồng).

Các hộ gia đình nhận vốn vay đã làm giếng khoan bơm điện, xây bể chứa nước, nhiều hộ nâng cấp từ giếng khoan khai thác ở mạch nước nông và bơm tay nay cải tạo thành giếng khoan bơm điện ở mạch nước sâu; một số địa bàn có công trình cấp nước tập trung, nhờ vốn vay đã lắp đặt đường ống dẫn nước về tận gia đình. Các hộ gia đình chưa có hoặc đã có nhà vệ sinh nhưng chưa đạt tiêu chuẩn nay nhờ nguồn vốn này mà xây mới hoặc cải tạo nâng cấp. Một số hộ có chăn nuôi đã kết hợp xây bể

biogar, làm rãnh thoát nước, giảm thiểu tác hại đến môi trường của cộng đồng dân cư...

Nói chung qua kiểm tra, các hộ gia đình đã sử dụng vốn đúng mục đích, hoàn thành đúng tiến độ và đưa vào sử dụng đúng thời hạn, phát huy được hiệu quả toàn diện về kinh tế xã - hội.

Các hộ gia đình đã sử dụng các công trình nước sạch không chỉ phục vụ cho sinh hoạt mà còn phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh, đã thúc đẩy kinh tế VAC phát triển, góp phần chuyển biến một bước tích cực cơ cấu kinh tế góp phần tăng thu nhập đáng kể cho gia đình. Tuy thời hạn cho vay 5 năm, trong đó có 6 tháng gia hạn chưa phải trả nợ nhưng nhiều hộ đã trả nợ trước hạn.

Có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường đã nâng cao hẳn chất lượng cuộc sống, sinh hoạt; công trình hợp vệ sinh đã góp phần làm trong sạch môi trường nông thôn, xoá bỏ được phong tục tập quán lạc hậu ở nhiều vùng dân cư quen “phóng uest” bừa bãi. Những ngày tháng hạn hán cũng như lụt bão các hộ gia đình đã hoàn toàn chủ động được nguồn nước sinh hoạt không bị ô nhiễm và đảm bảo vệ sinh môi trường. Do vậy sức khoẻ của người dân được nâng lên rõ rệt, xoá bỏ được nhiều bệnh tật mà trước đây thường dai dẳng như bệnh sốt rét, mẩn ngứa, ghè lở, đường ruột... giảm chí phí mua nước giá cao, giảm được thì giờ và chi phí đi lại khám chữa bệnh, tăng thời gian cho sản xuất kinh doanh.

Nhờ xây dựng được công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nên nhiều hộ gia đình ngoài vay vốn ưu đãi còn sử dụng một phần vốn tự có để tham gia; nhiều hộ không vay nhưng trước phong trào chung cũng dùng toàn bộ vốn tự có để tự xây đã góp phần thúc đẩy một bước xã hội hoá chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trên cơ sở những kết quả đó đã hình thành nếp sống văn hoá, văn minh nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường trong nhân dân; xoá bỏ tập quán sinh hoạt lạc hậu thiếu vệ sinh nhất là vùng dân tộc thiểu số, miền núi; giảm dần sự chênh lệch về điều kiện sinh hoạt giữa nông thôn và thành thị, hạn chế đáng kể sự di cư tự do ở các vùng khan hiếm nguồn nước.

Cho vay NS&VSMTNT thực hiện phương thức uỷ thác qua các tổ chức chính trị xã hội thông

qua việc xây dựng và củng cố các tổ tiết kiệm và vay vốn. Nhờ các tổ chức này mà từ việc nắm nhu cầu, đến việc xét duyệt đối tượng vay vốn, giám sát quá trình sử dụng vốn, xây dựng công trình đã thực sự phát huy được tính dân chủ từ cơ sở. Chính nhờ sự phối hợp chặt chẽ đó mà hạn chế rất nhiều việc sử dụng vốn vay sai mục đích, sai địa chỉ, mang lại hiệu quả cao.

Tuy nhiên qua thực tiễn cũng đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu xem xét giải quyết.

#### **Những vấn đề đặt ra**

Thứ nhất: Nhiều vùng, việc quy hoạch về NS&VSMTNT chưa được quan tâm đi trước một bước nên ảnh hưởng và trở ngại nhất định đến tiến độ cho vay cấp NS&VSMT của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Thứ hai: Cũng do nguyên nhân trên nên nhiều hộ làm công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường bằng vốn tự có còn theo tính tự phát, kinh nghiệm truyền miệng chứ chưa có sự tham gia của các cơ quan chuyên ngành trong việc khảo sát đánh giá chất lượng nguồn nước, định hướng và khuyến cáo người dân trong việc lựa chọn mô hình công trình phù hợp, kiểm tra giám sát giúp người dân về kỹ thuật để công trình đảm bảo chất lượng và mỹ quan theo đúng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba: Mức cho vay tối đa mỗi công trình nước sạch hay vệ sinh môi trường chỉ 4 triệu đồng. Với biến động giá cả về vật liệu và nhân công như hiện nay thì không thể đảm bảo những chi phí cần thiết cho việc hoàn thành công trình có chất lượng nhất là những hộ không có vốn tự có.

Thứ tư: Theo QĐ 62/2004/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp NS&VSMTNT thì một bộ phận dân cư là nông dân sống ở địa bàn phường, thị trấn (trực thuộc thành phố, thị xã) nhưng cũng không được hưởng ưu đãi. Giờ đây theo điều 3 của NĐ 41 ngày 12/4/2010 về một số chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn (thay thế QĐ 67) thì một lần nữa vẫn xác định “nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã” thì đây vẫn còn là vướng mắc. Đó là điều

chưa hợp lý, vì trên thực tế ở nhiều tỉnh nhất là sau khi một số thị xã nâng cấp lên thành phố hay thị trấn nâng cấp lên thị xã thì nhiều xã đã được sát nhập vào thành phố hay thị xã nhưng cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông dân vẫn là chủ yếu. Quy định như vậy rõ ràng vô tình đã bỏ trống một trận địa nông nghiệp nông thôn rộng lớn không được đầu tư theo đúng tinh thần của NĐ 41 và tạo ra một sự không công bằng trong xã hội mà liên quan trực tiếp là các hộ nông dân ở các xã phường, thị trấn chưa được vay vốn theo QĐ 62 này là một thiệt thòi đáng kể (vì lãi suất hiện hành chỉ 0,5%/tháng).

Thứ năm: Theo NQ của Đảng bộ tỉnh thì mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn rất nặng nề; riêng năm 2011 mục tiêu nước phải đạt là

đó, Quyết định 62/2004-QĐ-TTg cần bổ sung đối tượng được thụ hưởng: *Là hộ nông dân ở địa bàn phường, thị trấn trực thuộc thị xã, thành phố.*

Thứ hai: Theo đó, QĐ 62/2004/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nên sửa lại tên. Nên chăng: QĐ 62/2004/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp NS&VSMT đối với hộ nông dân.

Thứ ba: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các ngành hữu quan tỉnh cần tham mưu cho Ủy Ban nhân dân tỉnh để sớm có quy hoạch NS&VSMTNT trên từng huyện, thành phố và đi trước một bước. Chỉ huyện, thành phố nào quy hoạch xong mới bố trí tiếp vốn cho vay ưu đãi theo

QĐ 62/2004/QĐ-TTg và nhất là phải đảm bảo tiêu chuẩn quốc gia về NS&VSMTNT mà các ngành chức năng đã hướng dẫn.

Thứ tư: Trên cơ sở đã có quy hoạch các hộ nếu sử dụng hoàn toàn vốn tự có hay một phần vốn tự có cũng phải nhất nhất như hộ vay vốn ưu đãi nói trên và phải chấp hành theo quy hoạch và các hướng dẫn khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thứ năm: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu thực trạng tình hình của từng địa bàn huyện, thành phố để có thiết kế và dự toán mẫu vài loại hình công trình NS&VSMNT. Trên cơ sở đó, tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ thay đổi nâng mức cho vay 4 triệu đồng/một công trình lên cao hơn cho phù hợp với từng vùng và thị trường hiện nay.

Thứ sáu: Để có thêm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu và đối tượng thụ hưởng rộng lớn và hạn chế gánh nặng cho ngân sách Nhà nước nhằm đạt được mục tiêu của chương trình này theo mục tiêu của từng giai đoạn và Nghị quyết của từng Đảng bộ tỉnh cần có một cơ chế tạo lập nguồn vốn từ đóng góp của các doanh nghiệp, các khoản tài trợ của tổ chức quốc tế và từ chính người dân.

V.L



*Người dân tộc Mã Liềng (bản Cáo xã Lâm Hóa huyện Tuyên Hóa) dùng nước sạch sau khi công trình đã nghiệm thu.*

Ảnh: V.L

74-75% hộ nông dân dùng nước hợp vệ sinh. Hơn nữa đối tượng thụ hưởng của chương trình này tương đối rộng, nhu cầu vay vốn còn nhiều. Trong lúc đó NHCSXH chưa chủ động được nguồn vốn nên đáp ứng còn hạn chế.

Những vướng mắc trên tin chắc không chỉ ở Quảng Bình mà nhiều tỉnh khác cũng như thế.

**Một vài ý kiến đề xuất:**

Thứ nhất: Ngân hàng Chính sách xã hội cần tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bổ sung sửa đổi mở rộng đối tượng được vay trong QĐ 62. Theo